

-(-으)ㄴ/는데

bối cảnh, đối lập, dẫn dắt

Từ nối được dùng nhiều nhất trong văn nói tiếng Hàn, và khó dịch gọn nhất sang tiếng Việt. Nó đặt ra bối cảnh và để phần còn lại của câu có chỗ đi tiếp.

Cách kết hợp

Loại từ	Dạng	Ví dụ
Động từ, hiện tại	-는데	가다 → 가는데
Tính từ	-(으)ㄴ데	좋다 → 좋은데
Quá khứ, mọi loại từ	-았/었는데	갔는데 / 좋았는데
이다	-인데	학생인데
Kết thúc bằng ㄹ	ㄹ rơi	만들다 → 만드는데
Bỏ lưng	-(-으)ㄴ/는데요	좀 바쁘네요

Khi nào dùng

Hình thức chia giống hệ thống định ngữ. Động từ dùng -는데: 가는데, 먹는데. Tính từ dùng -(으)ㄴ데: 좋은데, 바쁜데. Thì quá khứ luôn dùng -었는데, bất kể loại từ: 갔는데, 좋았는데. Gốc có ㄹ thì rơi ㄹ: 만드는데, 긴데.

Chức năng cốt lõi của nó là dẫn dắt bối cảnh trước ý chính: 지금 밖인데 조금 늦을 것 같아요. Mệnh đề đầu không phải lý do, cũng không hẳn là đối lập — nó là bối cảnh.

Từ đó nghĩa của nó mở rộng. Nó có thể diễn tả sự đối lập, nhẹ nhàng hơn -지만. Nó làm mềm lời đề nghị, đó là lý do nhiều câu mở đầu lịch sự dùng nó: 저기, 길을 좀 묻고 싶는데요. Và khi bỏ lưng ở cuối câu, nó mời người nghe đáp lại.

Ví dụ trong câu

- 1** 지금 밖인데 조금 늦을 것 같아요.
Tôi đang ở ngoài nên có thể sẽ đến hơi muộn.
- 2** 저기, 길을 좀 묻고 싶는데요.
Xin lỗi, tôi muốn hỏi đường một chút.
- 3** 어제 갔는데 문이 닫혀 있었어요.
Hôm qua tôi đã đến đó nhưng cửa đóng.
- 4** 이 식당은 비싼데 맛있어요.
Nhà hàng này đắt nhưng đồ ăn ngon.
- 5** 지금 저녁을 만드는데 같이 드실래요?
Tôi đang nấu bữa tối, bạn ăn cùng không?
- 6** 시간 있으세요? — 지금은 좀 바쁘네요.
Bạn có rảnh một chút không? — Bây giờ tôi hơi bận.

So sánh với

-지만
-지만 nói rõ sự đối lập; -는데 thường chỉ đưa ra bối cảnh và để người nghe tự rút ra sự đối lập. -는데 phổ biến hơn nhiều trong văn nói.
비싸지만 맛있어요. (đắt nhưng ngon) / 비싼데 맛있어요. (hơi đắt — mà ngon)

-아서/어서
-아서 khẳng định quan hệ nhân quả; -는데 thì không. Dùng -는데 khi mệnh đề đầu chỉ dẫn dắt bối cảnh.
비가 와서 안 갔어요. (vì trời mưa) / 비가 오는데 갈까요? (trời đang mưa — vẫn đi chứ?)

-거든요
-거든요 giải thích lý do người nghe chưa biết; -는데 mở ra một chủ đề. Chúng thường xuất hiện trong cùng một cuộc hội thoại nhưng làm việc khác nhau.
지금 바쁘네요. (tôi đang bận — để lưng ở đó) / 지금 바쁘거든요. (chả là tôi đang bận)

Lưu ý

- ✗ 이 식당은 비싸는데 맛있어요.**
○ 이 식당은 비싼데 맛있어요.
비싸다 là tính từ nên dùng -(으)ㄴ데. -는데 dành cho động từ ở hiện tại.
- ✗ 어제 갔는데 문이 닫혀 있었어요.**
○ 어제 갔는데 문이 닫혀 있었어요.
Ở quá khứ, mọi từ đều dùng -는데, kể cả tính từ: 좋았는데, 바빴는데.
- ✗ 지금 저녁을 만드는데요.**
○ 지금 저녁을 만드는데요.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ bị rơi ㄹ trước -는데, giống hệt như trước -는 và -네요.